

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 401/2020/DS-PT

Ngày 24-11-2020

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Cẩm Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 433/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng góp hội”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS-ST ngày 28/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 451/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2020, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thanh T, sinh năm 1977 và ông Đinh Văn H, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1983 và bà Đặng Thị Tuyết M, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị S, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Thanh T1 và bà Đặng Thị Tuyết M.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà T, ông H trình bày:*

Bà T, ông H có chơi hụi do bà M làm đầu thảo. Tổng cộng bà T, ông H tham gia 06 phần hụi trong đó có 04 phần 5.000.000 đồng và 02 phần 10.000.000 đồng. Trong số đó có 01 phần hụi bà T, ông H tham gia chơi giùm cho mẹ của bà T là bà S. Bà T, ông H vẫn đóng hụi đầy đủ cho bà M nhưng bà M tuyên bố ngừng hụi, không tiếp tục các dây hụi nữa. Bà M và ông T1 có làm giấy cam kết nhận nợ với bà T, ông H và đồng ý trả cho bà T, ông H tất cả số tiền hụi là 260.000.000 đồng, thỏa thuận trả 2 lần: lần thứ nhất là ngày 30 tháng 11 năm 2019 (AL) trả 130.000.000 đồng; Lần 2 trả vào vụ lúa Đông- Xuân 2020 là 130.000.000 đồng. Nhưng đến thời hạn bà M, ông T1 không thực hiện mà cứ hứa hẹn nhiều lần. Vì vậy, bà T, ông H khởi kiện yêu cầu bà M và ông T1 có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi là 260.000.000 đồng.

Trong trình Tòa án giải quyết vụ án, bà M cho rằng hụi ngừng giữa chừng, không phải hụi mãn nên bà M không đồng ý trả 260.000.000 đồng như đã thỏa thuận trước đây. Vì vậy, tại phiên hòa giải bà T, ông H đồng ý cho bà M trả tiền hụi đã góp và tiền lãi tính theo mức lãi suất pháp luật quy định. Cụ thể, yêu cầu bà M và ông T1 có nghĩa vụ trả 152.630.000 đồng tiền hụi đã góp và tiền lãi tính theo quy định pháp luật với số tiền là 52.402.811 đồng, tổng cộng là 205.032.811 đồng.

*Bị đơn bà M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T1 trình bày:*

Ông T1, bà M xác nhận có làm đầu thảo hụi, bà T và ông H là hụi viên đúng như bà T trình bày. Bà M và ông T1 thừa nhận có làm biên nhận hứa trả cho bà T, ông H số tiền hụi của tất cả các dây hụi tính theo giá hụi sống tổng cộng là 260.000.000 đồng. Tuy nhiên, do các dây hụi ngừng giữa chừng nên hiện nay bà M không đồng ý tính theo giá hụi sống mà chỉ đồng ý trả số tiền bà T, ông H đã thực góp và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Hiện nay, bà M và ông T1 đồng ý trả số tiền cho bà T và ông H thực góp là 152.630.000 đồng và đồng ý với số tiền lãi là 52.402.811 đồng. Tổng cộng số tiền đồng ý trả là 205.032.811 đồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà M xin được trả dần.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà S có văn bản trình bày:*

Bà có nhờ bà T, là con gái của bà chơi hụi giùm cho bà do bà M làm đầu thảo. Hiện nay, bà đồng ý để bà T và ông H trực tiếp yêu cầu số tiền hụi với bà M và ông T1 trong đó có phần của bà, đồng ý trả số tiền trên cho bà T và ông H. Sau này giữa bà với bà T, ông H sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh đã căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các điều 288, 357,

*Bị đơn bà M và ông T1 trình bày:* Do hoàn cảnh khó khăn, không có khả năng trả một lần, xin trả dần hàng năm là 20.000.000 đồng cho đến khi trả hết số nợ 205.032.811 đồng. Đồng ý trả luôn phần nợ của bà S cho bà T và ông T1.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà S trình bày:* Bà đồng ý bà T và ông T1 kiện luôn phần tiền của bà. Đồng ý bà M và ông T1 trả số tiền hụi trong đó có phần của bà 01 phần cho bà T và ông T1. Sau đó giữa bà, bà T và ông T1 tự thỏa thuận với nhau.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm bà M và ông T1 rút kháng cáo đối với xin giảm tiền án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu này.

Đối với yêu cầu xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng, bà T và ông H không đồng ý. Pháp luật không quy định về việc cho trả dần nên không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M và ông T1.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm số 69/2020/DS-ST, ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Kháng cáo của bị đơn bà M và ông T1 hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo về một phần bản án dân sự sơ thẩm về xin trả dần và giảm án phí. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo. Tại phiên tòa bà M và ông T1 tự nguyện rút kháng cáo đối với xin giảm tiền án phí vì không có căn cứ chứng minh đủ điều kiện để xin giảm. Đây là ý chí tự nguyện của bà M và ông T1 nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo phần án phí theo quy định tại khoản 3 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của bà M, ông T1 thấy rằng: Đối với yêu cầu xin trả dần: Bà M và ông T1 đồng ý trả cho bà T và ông H số tiền nợ hụi là 205.032.811 đồng nhưng xin trả dần hàng năm 20.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền trên. Tại phiên tòa bà T và ông H không đồng ý cho trả dần vì bà M và ông T1 có đủ điều kiện thi hành án; mặt khác pháp luật cũng không quy định về trả dần nên không có căn cứ để xem xét chấp nhận yêu cầu xin trả dần. Bản án sơ thẩm tuyên buộc bà M và ông T1 trả một lần là có căn cứ.

[4] Từ nhận định mục [3], không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà M và ông T1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS-ST, ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An như đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà M, ông T1 phải chịu theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[6] Những nội dung khác trong phần quyết định của bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 289 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**1.** Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần án phí buộc bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu.

**2.** Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T1.

**3.** Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2020/DS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 288, 357, 471 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phườn;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thanh T và ông Đình Văn H.

Buộc bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thanh T, ông Đình Văn H số tiền hui đã góp là 152.630.000 đồng và 52.402.811 đồng tiền lãi. Tổng cộng số tiền phải trả là 205.032.811 đồng (hai trăm lể năm triệu không trăm ba mươi hai nghìn tám trăm mười một đồng).

Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T1 phải chịu 10.251.640 đồng (mười triệu hai trăm năm mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

Bà Lê Thanh T, ông Đinh Văn H không phải chịu tiền án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) theo lai thu số 0000982 ngày 29 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đặng Thị Tuyết M và ông Nguyễn Thanh T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà Đặng Thị Tuyết M đã nộp theo biên lai thu số 0001142 và ông Nguyễn Thanh T1 đã nộp theo biên lai thu số 0001146, cùng ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An (bà M và ông T1 đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND CC tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Bích Tuyền**